

QUẶNG SẮT		TCVN
Phương pháp xác định độ ẩm		1666 — 86
Руды железные Метод определения влаги	Iron ores Method for determina- tion of moisture	Có hiệu lực từ 1-7-1987

Tiêu chuẩn này thay thế cho TCVN 1666-75.

Tiêu chuẩn này áp dụng cho quặng sắt có độ ẩm đến 10%.

1. Nguyên tắc của phương pháp

Sấy mẫu trong tủ sấy ở nhiệt độ $105 \pm 2^\circ\text{C}$ đến khối lượng không đổi.

2. Chuẩn bị mẫu

Mẫu để xác định độ ẩm được chuẩn bị theo TCVN 1664-86.

3. Thiết bị

Cân phân tích có độ chính xác đến 0,0002g;

Tủ sấy có nhiệt kế tự ngắt, với độ sai lệch không vượt quá 2°C ;

Hộp sấy ẩm:

Bình hút ẩm chứa canxi clorua đã được nung ở nhiệt độ $600-700^\circ\text{C}$ trong thời gian 30 phút.

4. Cách tiến hành

4.1. Khối lượng mẫu để thử nghiệm phụ thuộc vào độ ẩm như chỉ ra ở bảng 1.

Bảng 1

Độ ẩm, %	Khối lượng mẫu, g
Từ 0,1 đến 0,5	5
Trên 0,5 đến 1	3
Trên 1 đến 3	2
Trên 3 đến 10	1

4.2. Cân mẫu vào hộp sấy ẩm đã được sấy ở $105 \pm 2^\circ\text{C}$ đến khối lượng không đổi. Mở nắp hộp, sấy ở nhiệt độ này trong 1 giờ. Đậy nắp hộp và để nguội trong bình hút ẩm đến nhiệt độ phòng. Mở nắp hộp, nhanh chóng đậy lại và cân. Sau đó lại tiến hành sấy, để nguội và cân đến khối lượng không đổi. Nếu khi sấy lại mà khối lượng tăng thì lấy khối lượng của lần trước.

5. Tính kết quả

5.1. Độ ẩm (X) theo phần trăm khối lượng được tính theo công thức:

$$X = \frac{(m_1 - m_2) \cdot 100}{m}$$

trong đó:

m_1 — khối lượng hộp sấy và mẫu trước khi sấy, g;

m_2 — khối lượng hộp sấy và mẫu sau khi sấy, g;

m — khối lượng mẫu, g;

5.2. Sai lệch kết quả giữa hai lần xác định song song, khi độ tin cậy $p = 0,95$, không được vượt quá các giá trị nêu trong bảng 2.

%

Bảng 2

Độ ẩm	Sai lệch cho phép
Từ 0,1 đến 0,2	0,04
Trên 0,2 đến 0,5	0,06
Trên 0,5 đến 1	0,1
Trên 1 đến 2	0,15
Trên 2 đến 5	0,2
Trên 5 đến 10	0,3